TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/ HS-ST
Ngày 09 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Học và bà Nông Diệu Huế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 87/2023/TLST -HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/HSST-QĐ ngày 15/12/2023 đối với bị cáo:

Nông Văn T, giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 01/3/1984, tại xã Cao Thăng, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm N, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Nông Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị G, sinh năm 1956; Vợ: Nông Thị Đ, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2008; Tiền sự: Không có;

Tiền án: Ngày 07/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 84/2021/HSST.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 29/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nông Văn Dự - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

** Bị hại:*

1/ Hoàng Thị R, sinh năm 1963.

Trú tại: xóm N, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

2/ Nông Thị H, sinh năm 1977.

Trú tại: xóm P, xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

3/ Hoàng Thị R1, sinh năm 1953.

Trú tại: xóm L, xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

4/ Nông Thị N1, sinh năm 1985.

Trú tại: xóm L, xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

5/ Chu Thị H1, sinh năm 1992.

Trú tại: xóm P1, xã C1, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

6/ Lý Văn K1, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký HKTT: xóm B, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Lý Văn K1: Ông Lý Văn T, sinh năm 1974; Trú tại: xóm B, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

(Bà R, Bà R1, chị H, chị H1, chị N1, ông T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nông Thị A, sinh năm 1964.

Trú tại: xóm M, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

2/ Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1976.

Trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

3/ Mã Thị T2, sinh năm 1960.

Trú tại: xóm E, xã Đ1, huyện K, tỉnh Cao Bằng;

(Bà A vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt; bà T2, chị Th vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 10/6/2023 đến ngày 08/7/2023, Nông Văn T đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản tại các xã C1; xã V và xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Cụ thể:

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/6/2023, Nông Văn T bắt xe buýt từ thị trấn Trùng Khánh xuống đến cầu K1, thuộc xóm P, xã V, huyện K, tỉnh Cao Bằng, thấy nhà chị Nông Thị H, sinh năm 1977 không có ai ở nhà. T vào nhà lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A83, màu đen để ở trên khay nhựa màu xanh, trên giá để để trong phòng khách, đút vào túi quần rồi rời khỏi hiện trường. Chiếc điện thoại kể trên, T đem đến cửa hàng Đ1, tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K bán được 620.000 đồng.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 21 giờ ngày 11/6/2023, Nông Văn T đi bộ đến phía sau nhà bà Hoàng Thị R, sinh năm 1963, trú tại xóm N, xã C, huyện K lấy trộm 04 sào phơi thuốc lá lá đang sấy trong lò. Số thuốc lá lá lấy trộm được, T đem bán cho bà Nông Thị A, sinh năm 1964, trú tại xóm M, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng, có khối lượng 2,2 kg thuốc lá lá với số tiền 90.000 đồng.

- *Vụ thứ ba:* Khoảng 10 giờ ngày 12/6/2023, Nông Văn T tiếp tục đến sau nhà bà Hoàng Thị R, lấy trộm 01 con gà mái và 08 quả trứng gà (gà đang ấp trứng) đem bán cho một người đàn ông không quen biết tại xóm P1, xã C, huyện K được 100.000 đồng.

- *Vụ thứ tư:* Khoảng 17 giờ ngày 16/6/2023, Nông Văn T đi nhờ xe mô tô một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không quen biết) đến xóm L, xã V, huyện K rồi vào nhà anh Nông Văn Y, sinh năm 1983, với mục đích xin xăng. Khi vào nhà, T thấy 02 chiếc điện thoại để trên giường trong phòng khách nên đã lấy trộm. Trong đó: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime của bà Hoàng Thị R1, sinh năm 1953 (mẹ Y) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 của Nông Thị N1, sinh năm 1985 (vợ Y). Đến ngày 19/6/2023, T đem 02 chiếc điện thoại di động đến xóm E, xã Đ1, huyện K bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu ghi - hồng cho bà Mã Thị T2, sinh năm 1960, trú tại xóm E với số tiền 360.000 đồng; còn lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 bán cho một người đàn ông không quen biết với số tiền 500.000 đồng.

- *Vụ thứ năm:* Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 07/7/2023, Nông Văn T đến nhà chị Chu Thị H1, sinh năm 1992, trú tại xóm P1, xã C1, huyện K, tỉnh Cao Bằng lấy trộm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu VIVO Y11 để trên tủ lạnh trong nhà. Chiếc điện thoại trộm được, T đem đến xóm E đổi lấy 01 gói ma túy với trị giá 100.000 đồng.

- *Vụ thứ sáu:* Khoảng 12 giờ ngày 08/7/2023, Nông Văn T đi bộ từ nhà đến xóm B, xã C, huyện K, thấy nhà ông Lý Văn T, sinh năm 1974, không khóa cửa. T vào nhà lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29N1 – 8XYZ. Mục đích là đem đi bán, do không có giấy tờ xe nên không bán được.

Toàn bộ số tiền bán được, T đi mua ma túy về sử dụng.

Trong các ngày 22/6/2023; 27/6/2023; 02/8/2023 và ngày 09/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh ra văn bản yêu cầu định giá tài sản.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 17/KL - HĐĐGTS ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Trùng Khánh, kết luận:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83, bộ nhớ trong 32Bb, thời điểm định giá (ngày 10/6/2023) giá trị còn lại 735.000 đồng;

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 Frime, bộ nhớ trong 32 Gb, thời điểm định giá (ngày 16/6/2023) giá trị còn lại 570.000đ;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 màu đen, thời điểm định giá (ngày 16/6/2023) giá trị còn lại 4.095.900 đồng.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL - HĐĐGTS ngày 29/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Trùng Khánh, kết luận: 2,2 kg lá thuốc lá sấy khô, thời điểm định giá (ngày 11/6/2023) giá trị còn lại 116.600 đồng; 08 quả trứng gà ta, thời điểm định giá (ngày 12/6/2023) giá trị còn lại 40.000 đồng. Đối với con gà mái đang ấp, có trọng lượng khoảng 1,7 kg. Do không thu giữ được tang vật, thông tin tài liệu không đầy đủ, nên không đủ căn cứ để định giá.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL - HĐĐGTS ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Trùng Khánh, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y11, mặt lưng sau xanh dương, thời điểm định giá (ngày 07/7/2023) giá trị còn lại 1.233.333 đồng.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐGTS ngày 09/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Trùng Khánh, kết luận: 01 xe mô tô Yamaha Sirius R màu đen - cam, biển kiểm soát 29N1 – 8XYZ, thời điểm định giá ngày 08/7/2023, có trị giá 2.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn T khai nhận: do bản thân nghiện chất ma túy, không có tiền mua ma túy, lợi dụng sự sở hở của chủ quản lý tài sản, T đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên. Mục đích bán lấy tiền để mua ma túy sử dụng cho bản thân.

Lời khai của Nông Văn T phù hợp lời khai của bị hại những người làm chứng, biên bản làm việc xác định vị trí và những vật chứng, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã trả lại tài sản cho bà Hoàng Thị R, 2,2 kg thuốc lá lá sấy khô, 04 sào phơi thuốc lá; bà Hoàng Thị R1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7; bà Nông Thị H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83; ông Lý Văn T 01 xe

mô tô Yamaha Sirius R màu đen - cam, biển kiểm soát 29N1 - 8992. Các bị hại Hoàng Thị R, Nông Thị H, Hoàng Thị R1 và Lý Văn T đã nhận được tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng là 02 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A57 và VIVO Y11 không thu giữ được. Các bị hại Nông Thị N1 và Chu Thị H1 yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị tài sản đã định giá.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị A, Nguyễn Thị Thu Th và Mã Thị T2 khi mua tài sản với bị cáo T không biết là tài sản bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý bà A, bà T2 và chị Th về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bà A, bà T2 và chị Th đã tự nguyện giao nộp lại tài sản trộm cắp, không yêu cầu bồi thường đối với số tiền đã bỏ ra để mua các tài sản trên.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKSTK ngày 26 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Nông Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nông Văn T thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh trình bày quan điểm về nguyên nhân phạm tội của bị cáo là do muốn có tiền để phục vụ nhu cầu sử dụng ma túy nên đã bất chấp quy định của pháp luật trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp là sai nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần được xử lý nghiêm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 18 tháng tù – 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn T bồi thường cho chị Nông Thị N1 số tiền 4.095.900 đồng và chị Chu Thị H1 số tiền 1.233.333 đồng.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Do bị cáo nghiện và lệ thuộc vào ma túy nên đã thực hiện các hành vi trộm cắp như Cáo trạng đã truy tố. Hậu quả các

hành vi phạm tội của bị cáo đã được khắc phục một phần, phần còn lại bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại theo giá trị tài sản định giá. Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất là 18 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng và đề nghị miễn án phí cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo nhất trí với luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã khai tại Cơ quan điều tra; Biên bản xác định hiện trường và toàn bộ số vật chứng thu giữ. Cụ thể: Nông Văn T, sinh năm 1984, trú tại xóm N, xã C, huyện K có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản. Do bản thân nghiện chất ma túy, từ ngày 10/6/2023 đến ngày 08/7/2023, Nông Văn T đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản; tài sản trộm cắp được gồm: xe mô tô, điện thoại di động, thuốc lá lá, gà, trứng gà. Tổng giá trị tài sản do T trộm cắp là 9.136.233 đồng. Mục đích trộm cắp tài sản là bán lấy tiền mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Để có tiền mua ma túy và tiêu xài cá nhân, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác.

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn T về tội

"Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng bị cáo liên tiếp thực hiện tội phạm xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác.

Nhân thân: Bị cáo Nông Văn T là đối tượng nghiện ma túy. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội "Trộm cắp tài sản".

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do đó bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 06 hành vi trộm cắp với tổng giá trị là 9.136.233 đồng, có hành vi trộm cắp giá trị tài sản chưa đến 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích về tội "Trộm cắp tài sản'' do đó 06 hành vi trên đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trờ lên" và "Tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nguồn thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Các nhận định khác:

Các vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có khiếu nại quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với vật chứng là 02 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A57 và VIVO Y11 không thu giữ được. Các bị hại Nông Thị N1 và Chu Thị H1 yêu cầu bị cáo bồi thường theo giá trị tài sản đã định giá. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản và nhất trí bồi thường cho các bị hại. Do đó, bị cáo

Nông Văn T phải bồi thường cho chị Nông Thị N1 số tiền 4.095.000 đồng và chị Chu Thị H1 số tiền 1.233.333 đồng.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo Nông Văn T là người dân tộc thiểu số sống ở nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn án phí nên Hội dồng xét xử có căn cứ cho bị cáo được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa về hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy không phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và chưa đủ sức răn đe với bị cáo nên không chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 22 (Hai mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/7/2023;

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho chị Nông Thị N1, sinh năm 1985, trú tại: xóm L, xã V, huyện K, Cao Bằng số tiền 4.095.000 đồng *(Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).*

Buộc bị cáo Nông Văn T phải bồi thường cho chị Chu Thị H1, sinh năm 1992, trú tại: xóm P1, xã C1, huyện K, Cao Bằng số tiền 1.233.333 đồng *(Một triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nông Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo Nông Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – CA tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Án văn, THA hình sự và HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thúy Quỳnh